TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Quế và ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Bửu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 160/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Huyền Tr, sinh năm 1996; nơi cư trú: số nhà 679, tổ 14, khóm 1, phường S, thị xã D, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: số 55/14/10 đường T, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Trần Bảo H, sinh năm 1991; nơi cư trú: số nhà 679, tổ 14, khóm 1, phường S, thị xã D, tỉnh An Giang.

Chị Tr có mặt; anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Huyền Tr trình bày: Năm 2012, chị Tr và anh H tự tìm hiểu, quen nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số I/2014 ngày 30/7/2014. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại khóm Y, phường S, thị xã D. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hợp nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Trần Bảo H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Tr và anh H có 01 (một) con chung tên Trần Bảo Đ, sinh ngày 20/8/2014. Cháu Đ đã chết do tai nạn nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 294/TB-TLVA ngày 23/4/2024 và các văn bản tố tụng khác cho anh H nhưng anh H vắng mặt ở địa phương, có bà Lê Thị Cẩm L nhận thay các văn bản tố tụng trên và cam kết giao lại cho anh Trần Bảo H.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ: Thông tin số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Trần Bảo H tại Công an phường Long Sơn và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung của chị Tr và anh H tại văn phòng khóm Y, phường S, thị xã D.

- Kết quả thông báo trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Anh Trần Bảo H, sinh năm 1991, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại 14, khóm Y, phường S, thị xã D, tỉnh An Giang.

- Văn phòng khóm Y, phường S, thị xã D cung cấp: về hôn nhân, chị Tr và anh H tự tìm hiểu, quen nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu. Qúa trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Về con chung, vợ chồng chị Tr và anh H có 01 (một) con chung tên Trần Bảo Đ, sinh ngày 20/8/2014. Cháu Đ đã chết theo giấy khai tử số 123 ngày 14/12/2023.

Về tài sản chung và nợ chung của chị Tr và anh H thì không nắm.

Tại phiên tòa, chị Tr giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi họp và làm việc của Tòa án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Huyền Tr với anh Trần Bảo H.

- *Về con chung:* chị Tr và anh H có 01 (một) con chung tên Trần Bảo Đ, sinh ngày 20/8/2014. Cháu Đ đã chết nên không đề cập xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Huyền Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Bảo H. Anh H có nơi cư trú tại khóm Y, phường S, thị xã D, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Bảo H được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Tr và anh H tự tìm hiểu, quen nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số I/2014 ngày 30/7/2014 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Tr và anh H là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Tr khai, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hợp nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Trần Bảo H.

Theo kết quả xác minh tại Ban khóm Y, phường S, thị xã D cung cấp: chị Tr và anh H tự tìm hiểu, quen nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu. Qúa trình chung sống thì phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị Tr và anh H hàn gắn tình cảm nhưng anh H vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị Tr và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị Tr ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: chị Tr khai, trong thời kỳ hôn nhân, giữa chị Tr và anh H có 01 (một) con chung tên Trần Bảo Đ, sinh ngày 20/8/2014. Cháu Đ đã chết do tai nạn, không yêu cầu xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Tr khai, không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Anh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Huyền Tr.

Chị Phạm Huyền Tr được ly hôn với anh Trần Bảo H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số I/2014 được Uỷ ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 30/7/2014 cho chị Phạm Huyền Tr và anh Trần Bảo H không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về án phí sơ thẩm:*

Chị Phạm Huyền Tr phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0007921 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Anh Trần Bảo H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] *Về quyền kháng cáo:*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Tr có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh H là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.